

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Bảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng Vân.

Ông Nguyễn Minh Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Long Văn K, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà Hoàng Thị T và ông Long Văn K đăng ký kết hôn ngày 22/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, nhưng đến năm 2012, sau khi sinh con thứ hai, kinh tế gia đình trở nên khó khăn nhiều hơn. Trong khi đó ông Long Văn K lười làm, không phụ giúp vợ lại thường xuyên uống rượu, say sấn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hai vợ chồng cũng nhiều lần tìm cách hóa giải mâu thuẫn, được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng ông K

không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng đã ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn bà Hoàng Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Long Văn K.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Long Ngọc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Long Hoàng P, sinh ngày 17/12/2012. Hiện cả hai con chung đang ở cùng ông Long Văn K. Do bà Hoàng Thị T đi làm công nhân ở xa nên khi ly hôn, nguyên đơn đề nghị bị đơn là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Bà Hoàng Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án ông Long Văn K trình bày:*

Về thời gian kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng bà Hoàng Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2012 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và kinh tế khó khăn. Vợ chồng đã cùng nhau tìm cách hoá giải mâu thuẫn, ông đồng ý để bà Hoàng Thị T đi làm công ty xa nhà, mong muốn kiếm thêm thu nhập chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên, bà Hoàng Thị T không chăm lo cho chồng con, thậm chí có quan hệ tình cảm với người khác nên mâu thuẫn gia đình không hoá giải được. Từ tháng 01/2023 đến nay, vợ chồng đã ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đời sống chung không tồn tại, tình cảm vợ chồng không còn, ông Long Văn K đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Long Ngọc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Long Hoàng P, sinh ngày 17/12/2012. Khi ly hôn ông Long Văn K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu bà Hoàng Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Long Văn K. Về con chung: Khi ly hôn, ông Long Văn K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, bà Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được

cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị T và ông Long Văn K đăng ký kết hôn ngày 22/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, bà Hoàng Thị T và ông Long Văn K đều thừa nhận trong quá trình hôn nhân tồn tại cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau; từ tháng 01 năm 2023 đến nay, vợ chồng đã ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Nguyên đơn, bị đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị T và ông Long Văn K có 02 người con chung cháu Long Ngọc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Long Hoàng P, sinh ngày 17/12/2012. Xét về điều kiện nuôi con, từ khi ly thân đến nay, 02 con chung đều ở cùng ông Long Văn K. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất giao con chung cho ông Long Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; điều này phù hợp với nguyện vọng của các cháu Long Ngọc A và Long Hoàng P. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của các đương sự. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự chưa có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Quan hệ hôn nhân:** Bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Long Văn K.

**2. Con chung:** Bà Hoàng Thị T và ông Long Văn K có 02 người con chung là cháu Long Ngọc A, sinh ngày 29/10/2007 và cháu Long Hoàng P, sinh ngày 17/12/2012.

Khi ly hôn, ông Long Văn K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà Hoàng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Long Văn K chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết.

**4. Án phí:** Bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số: 0004732 ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**5. Quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- UBND xã C, h.H, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Quốc Bảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Cúc**

**Ninh Ngọc Tú**

**Hoàng Hải Đoàn**